**Unit 9: World Englishes**

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: ***Giaoandethitienganh.info***  Mong bạn ghé ủng hộ !

**A. Vocabulary**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Từ vựng** | **Loại từ** | **Phiên âm** | **Nghĩa** | **Ví dụ** |
| introduce | v | /ˌɪntrəˈdjuːs/ | giới thiệu | The company plans to introduce a new product next month. |
| come from | v | /kʌm frɒm/ | đến từ | She comes from a small town in the mountains. |
| school uniform | n | /skuːl ˈjuːnɪfɔːrm/ | đồng phục trường | The school uniform includes a blue jacket and white shirt. |
| pants | n | /pænts/ | quần dài | He prefers wearing pants to work instead of jeans. |
| T-shirt | n | /ti-ʃɜːt/ | áo phông | The event's T-shirt had a unique design that everyone love**d.** |
| exchange student | n | /ɪksˈtʃeɪndʒ ˈstuːdnt/ | học sinh trao đổi | The exchange student quickly adapted to the new environment. |
| mean | v | /miːn/ | có nghĩa là | What does this symbol mean in the context of the article? |
| vocabulary | n | /vəˈkæbjələri/ | từ vựng | Expanding your vocabulary is essential for effective communication. |
| immigrant | n | /ˈɪmɪɡrənt/ | người nhập cư | The city has a large immigrant population from different countries. |
| first language | n | /fɜːrst ˈlæŋɡwɪdʒ/ | tiếng mẹ đẻ | Her first language is Spanish, but she is fluent in English. |
| translate | v | /trænzˈleɪt/ | dịch | He helped translate the letter from German to English. |
| fluent | adj | /ˈfluːənt/ | trôi chảy | She is fluent in three languages: English, French, and Japanese. |
| look up | v | /ˈlʊk ʌp/ | tra cứu | We should look up the history of this ancient building. |
| bilingual | adj | /ˌbaɪˈlɪŋɡwəl/ | song ngữ | Being bilingual gives you an advantage in the global job market. |
| permanently | adv | /ˈpɜːmənəntli/ | vĩnh viễn | The decision to move abroad was made permanently. |
| foreign | adj | /ˈfɒrən/ | nước ngoài | Learning about foreign cultures can be very enriching. |
| borrow | v | /ˈbɒrəʊ/ | mượn | She borrowed a book on ancient history from the library. |
| variety | n | /vəˈraɪəti/ | sự đa dạng | The market offers a variety of fruits and vegetables. |
| concentric | adj | /kənˈsentrɪk/ | đồng tâm | The park has a beautiful garden with concentric circles of flowers. |
| official language | n | /əˈfɪʃəl ˈlæŋɡwɪdʒ/ | ngôn ngữ chính thức | French is the official language of several countries in Afric**a.** |
| notebook | n | /ˈnəʊtbʊk/ | quyển sổ tay | She keeps a notebook to jot down her ideas for stories. |
| community | n | /kəˈmjuːnəti/ | cộng đồng | The community gathered to celebrate the festival. |
| relation | n | /rɪˈleɪʃn/ | mối quan hệ | The relation between the two countries has improved recently. |
| operation | n | /ˌɒpəˈreɪʃn/ | hoạt động, cuộc phẫu thuật | The hospital is well-known for its advanced heart operations. |
| quality | n | /ˈkwɒləti/ | chất lượng | The quality of education at this school is outstanding. |
| charity | n | /ˈtʃærəti/ | từ thiện | They organized a charity event to help those in nee**d.** |
| clarity | n | /ˈklærəti/ | sự rõ ràng | The clarity of her voice made it easy to understand her speech. |
| education | n | /ˌedʒuˈkeɪʃn/ | sự giáo dục | A good education is key to a successful future. |
| decision | n | /dɪˈsɪʒn/ | quyết định | After careful consideration, he made the decision to pursue higher education. |
| obesity | n | /əʊˈbiːsəti/ | béo phì | The government is taking steps to reduce childhood obesity. |
| position | n | /pəˈzɪʃn/ | vị trí | She was promoted to the position of manager last year. |
| common language | n | /ˈkɒmən ˈlæŋɡwɪdʒ/ | ngôn ngữ chung | English is often used as a common language in international meetings. |
| effectively | adv | /ɪˈfektɪvli/ | hiệu quả | To communicate effectively, it's important to listen carefully. |
| global language | n | /ˈɡloʊbl ˈlæŋɡwɪdʒ/ | ngôn ngữ toàn cầu | English has become a global language used in business and technology. |
| complicated | adj | /ˈkɒmplɪkeɪtɪd/ | phức tạp | The instructions were so complicated that I had to ask for help. |
| travel agency | n | /ˈtrævl ˈeɪdʒənsi/ | công ty du lịch | We booked our vacation through a travel agency to get a good deal. |
| praise | v | /preɪz/ | khen ngợi | The teacher praised the students for their hard work and dedication. |
| linguist | n | /ˈlɪŋɡwɪst/ | nhà ngôn ngữ học | A linguist studies the structure and history of languages. |
| entrance exam | n | /ˈen.trəns ɪɡˌzæm/ | kỳ thi tuyển sinh, bài kiểm tra đầu vào | Passing the entrance exam is required to get into the university. |
| study further | v | /ˈstʌdi ˈfɜːrðər/ | học lên cao | She decided to study further after completing her bachelor's degree. |
| professor | n | /prəˈfesə(r)/ | giáo sư | The professor gave an inspiring lecture on modern art. |
| invent | v | /ɪnˈvent/ | phát minh | He invented a new method for recycling plastic waste. |
| standard | n | /ˈstændəd/ | tiêu chuẩn | The school sets high academic standards for its students. |
| establish | v | /ɪˈstæblɪʃ/ | thành lập, thiết lập | The city plans to establish a new park by the river. |
| refer | v | /rɪˈfɜː(r)/ | ngụ ý, ám chỉ | The term "green" often refers to environmentally friendly practices. |
| provide | v | /prəˈvaɪd/ | cung cấp | The organization provides free meals to those in nee**d.** |
| improve | v | /ɪmˈpruːv/ | cải thiện | He practiced every day to improve his guitar skills. |
| development | n | /dɪˈveləpmənt/ | sự phát triển | The development of new technologies is essential for progress. |
| excellent | adj | /ˈeksələnt/ | xuất sắc | She received excellent feedback on her presentation. |
| challenging | adj | /ˈtʃælɪndʒɪŋ/ | thách thức | The project was challenging, but it was also very rewarding. |
| face | v | /feɪs/ | đối mặt | They had to face many obstacles to achieve their goals. |
| increase | v | /ˈɪŋkriːs/ | tăng | The school plans to increase the number of computers in the library. |
| French | n | /frentʃ/ | tiếng Pháp | Learning French is a valuable skill for international business. |
| Singaporean | adj | /ˌsɪŋəˈpɔːriən/ | (thuộc) Singapore | The Singaporean cuisine is known for its diverse flavors. |
| dictionary | n | /ˈdɪkʃənri/ | từ điển | She uses an online dictionary to look up unfamiliar words. |
| recommend | v | /ˌrekəˈmend/ | đề xuất | The teacher recommended this book for further reading. |
| official language | n | /əˈfɪʃəl ˈlæŋɡwɪdʒ/ | ngôn ngữ chính thức | Spanish is the official language of Spain and many countries in Latin Americ**a.** |

**B. Grammar**

**Mệnh đề quan hệ xác định (defining relative clauses)**

**1. Mệnh đề quan hệ xác định là gì?**

Mệnh đề quan hệ xác định là một phần của câu cung cấp thông tin cần thiết để xác định người, vật hoặc địa điểm mà danh từ trước đó đang đề cập. Mệnh đề này không thể bị loại bỏ mà không làm thay đổi nghĩa cơ bản của câu.

**2. Các đại từ quan hệ thường dùng**

1. **Who**: Dùng để chỉ người.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **who** + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The teacher who helps students is very patient.**

(Người thầy **người** giúp đỡ học sinh rất kiên nhẫn.)

1. **Which**: Dùng để chỉ vật hoặc động vật.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **which** + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The book which I borrowed is interesting.**

(Cuốn sách **mà** tôi mượn thì thú vị.)

1. **Whose**: Dùng để chỉ sự sở hữu.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **whose** + [Danh từ] + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The artist whose painting was displayed won an award.**

(Nghệ sĩ **mà** bức tranh của họ được trưng bày đã giành giải thưởng.)

1. **That**: Dùng để chỉ người, vật hoặc động vật. Thường được sử dụng trong câu không trang trọng hoặc câu nói.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **that** + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The house that we visited was beautiful.**

(Ngôi nhà **mà** chúng tôi đã thăm rất đẹp.)

**3. Quy tắc sử dụng**

1. **Cung cấp thông tin cần thiết**:
   * Mệnh đề quan hệ xác định cung cấp thông tin thiết yếu để xác định danh từ. Nếu không có mệnh đề này, câu sẽ thiếu thông tin cần thiết để hiểu rõ đối tượng đề cập.
   * **Ví dụ:** **The person who called you is waiting outside.**

(Người **người** đã gọi cho bạn đang đợi bên ngoài.)

1. **Không có dấu phẩy**:
   * Mệnh đề quan hệ xác định không được tách rời bằng dấu phẩy vì thông tin trong mệnh đề là cần thiết để xác định danh từ.
   * **Ví dụ:** **The museum where we saw the exhibition is closed on Mondays.**

(Bảo tàng **mà** chúng tôi đã xem triển lãm thì đóng cửa vào các ngày thứ Hai.)

1. **Có thể lược bỏ đại từ quan hệ**:
   * Nếu đại từ quan hệ là tân ngữ của mệnh đề quan hệ, nó có thể được lược bỏ.
   * **Ví dụ:** **The book (which) I read last night was fascinating.**

(Cuốn sách **mà** tôi đọc tối qua rất hấp dẫn.)

1. **Sử Dụng “That” Thay Thế “Who” và “Which”**:
   * “That” có thể thay thế cho “who” và “which” trong nhiều trường hợp, nhưng không thể thay thế “whose”.
   * **Ví dụ:** **The restaurant that serves sushi is very popular.**

(Nhà hàng **mà** phục vụ sushi rất nổi tiếng.)

1. **Sử dụng “where” để chỉ địa điểm**:
   * **Where** được sử dụng để chỉ địa điểm trong mệnh đề quan hệ.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **where** + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The city where I was born is very small.**

(Thành phố **mà** tôi sinh ra rất nhỏ.)

1. **Sử dụng “whose” để chỉ sự sở hữu**:
   * **Whose** dùng để chỉ sự sở hữu và có thể áp dụng cho cả người và vật.
   * **Cấu trúc:** [Danh từ] + **whose** + [Danh từ] + [Mệnh đề chính]
   * **Ví dụ:** **The student whose laptop was stolen is very upset.**

(Học sinh **mà** máy tính xách tay của họ bị đánh cắp rất buồn.)

**4. Ví dụ minh họa**

1. **Who**:
   * **The scientist who discovered the new element won a Nobel Prize.**

(Nhà khoa học **người** phát hiện ra nguyên tố mới đã giành giải Nobel.)

1. **Which**:
   * **The movie which you recommended was amazing.**

(Bộ phim **mà** bạn gợi ý thì tuyệt vời.)

1. **Whose**:
   * **The family whose house was damaged in the storm received help from the community.**

(Gia đình **mà** ngôi nhà của họ bị hư hại trong cơn bão đã nhận được sự giúp đỡ từ cộng đồng.)

1. **That**:
   * **The book that she lent me was very informative.**

(Cuốn sách **mà** cô ấy cho tôi mượn rất bổ ích.)

1. **Where**:
   * **The restaurant where we had dinner last night is closing down.**

(Nhà hàng **mà** chúng tôi đã ăn tối tối qua đang đóng cử**a.**)

**C. Practice**

**I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.**

1. **A.** this **B.** there **C.** breathe **D.** breath
2. **A.** ask **B.** angry **C.** manager **D.** damage
3. **A.** notebook **B.** hoping **C.** cock **D.** potato
4. **A.** engineer **B.** verb **C.** deer **D.** merely
5. **A.** dam **B.** planning **C.** plane **D.** candle
6. **A.** theory **B.** therefore **C.** neither **D.** weather
7. **A.** shoot **B.** mood **C.** poor **D.** smooth
8. **A.** seat **B.** heavy **C.** reason **D.** neat
9. **A.** kissed **B.** helped **C.** forced **D.** wanted
10. **A.** barn **B.** can't **C.** aunt **D.** tame
11. **A.** butter **B.** put **C.** sugar **D.** push
12. **A.** great **B.** bread **C.** break **D.** steak
13. **A.** weight **B.** height **C.** eight **D.** vein
14. **A.** too **B.** food **C.** soon **D.** good
15. **A.** would **B.** about **C.** round **D.** out
16. **A.** enough **B.** cough **C.** though **D.** rough
17. **A.** few **B.** sew **C.** knew **D.** new
18. **A.** chooses **B.** houses **C.** rises **D.** horses
19. **A.** suit **B.** seven **C.** sugar **D.** sun
20. **A.** accurate **B.** accept **C.** accident **D.** success

**II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.**

1. **A.** fantastic **B.** powerful **C.** sensitive **D.** personal
2. **A.** scientific **B.** intensity **C.** disappearance **D.** expectation
3. **A.** conference **B.** lecturer **C.** researcher **D.** reference
4. **A.** intentional **B.** optimistic **C.** environment **D.** participant
5. **A.** hospital **B.** inflation **C.** policy **D.** constantly
6. **A.** garment **B.** comment **C.** cement **D.** even
7. **A.** situation **B.** appropriate **C.** informality **D.** entertainment
8. **A.** solidarity **B.** effectively **C.** documentary **D.** dedication
9. **A.** certificate  **B.** compulsory **C.** remember **D.** information
10. **A.** centralize **B.** candidate **C.** applicant **D.** motivation
11. **A.** inflation **B.** maximum **C.** applicant **D.** character
12. **A.** possibility **B.** compliment **C.** contribution **D.** atmosphere
13. **A.** expression **B.** decisive **C.** dependent **D.** independence
14. **A.** decision **B.** reference **C.** refusal **D.** important
15. **A.** according         **B.** informality           **C.** expensive            **D.** acceptable
16. **A.** majority         **B.** minority           **C.** partnership         **D.** enjoyable
17. **A.** coincide         **B.** community      **C.** conception           **D.** committee
18. **A.** education **B.** development **C.** economic **D.** preparation
19. **A.** permission **B.** computer **C.** million **D.** perfection
20. **A.** education **B.** community **C.** development **D.** unbreakable

**III. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Vocabulary)**

**Question 1:** To \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the meaning of a new word, you can use a dictionary.  
**A.** travel **B. translate C.** improve **D.** refer

**Question 2:** Singaporean is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ language in Singapore.  
**A.** foreign **B.** common **C.** global **D. official**

**Question 3:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the community center is a very important position.  
**A.** quality **B.** professor **C.** operation **D. position**

**Question 4:** Learning a second language can help \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ your career opportunities.  
**A.** decrease **B.** travel **C. increase D.** provide

**Question 5:** My friend is an \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ student from Japan who studies at our school.  
**A. exchange B.** official **C.** foreign **D.** community

**Question 6:** A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is someone who studies languages.  
**A. linguist B.** professor **C.** student **D.** immigrant

**Question 7:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ education is very important for personal and professional development.  
**A.** Excellent **B.** Standard **C.** Clarity **D. Effective**

**Question 8:** We need to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a solution to the problem quickly.  
**A.** praise **B. decide C.** increase **D.** improve

**Question 9:** Many people believe that speaking more than one language is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** complicated **B.** fluent **C.** standard **D. challenging**

**Question 10:** If you are \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in English, you can speak it very well.  
**A.** bilingual **B. fluent C.** complicated **D.** foreign

**Question 11:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in our city are very diverse and interesting.  
**A.** community **B. variety C.** decision **D.** quality

**Question 12:** It is important to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ new vocabulary words to use them correctly.  
**A. look up B.** provide **C.** establish **D.** recommend

**Question 13:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is the language that you first learn to speak at home.  
**A. First language B.** Global language **C.** Common language **D.** Official language

**Question 14:** We should \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ more people to help with the charity event.  
**A.** provide **B.** praise **C. increase**  **D.** involve

**Question 15:** My teacher is going to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the new project at the meeting.  
**A. recommend B.** establish **C.** invent **D.** praise

**Question 16:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the book was very helpful for understanding the topi**c.**  
**A. clarity B.** community **C.** immigrant **D.** variety

**Question 17:** A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is someone who comes to live in a new country.  
**A. immigrant B.** student **C.** professor **D.** linguist

**Question 18:** She has a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of books on various subjects in her library.  
**A. variety B.** global **C.** community **D.** notebook

**Question 19:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ students often find it challenging to adapt to a new education system.  
**A. Exchange B.** Foreign **C.** Bilingual **D.** Standard

**Question 20:** Learning a new language can \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ your communication skills.  
**A.** decrease **B.** travel **C. improve D.** complicate

**Question 21:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ are important for maintaining the quality of education.  
**A. Standards B.** Dictionaries **C.** Charities **D.** Agencies

**Question 22:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ your skills can help you get a better job in the future.  
**A. Improving B.** Translating **C.** Traveling **D.** Referring

**Question 23:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ exams are often used to determine a student's readiness for university.  
**A. Entrance B.** Exchange **C.** International **D.** Development

**Question 24:** Many people have \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ habits that affect their health.  
**A.** challenging **B. obesity C.** excellent **D.** global

**Question 25:** The school \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ includes pants, a T-shirt, and a jacket.  
**A. uniform B.** dictionary **C.** charity **D.** notebook

**Question 26:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ students can communicate effectively in more than one language.  
**A. Bilingual B.** Exchange **C.** Immigrant **D.** Foreign

**Question 27:** To \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ more about a word, you can use an online resource.  
**A. look up B.** travel **C.** establish **D.** provide

**Question 28:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is the quality of being able to speak two languages fluently.  
**A. Bilingualism B.** Immigration **C.** Translation **D.** Charitable

**Question 29:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ for the new library project was set at $50,000.  
**A.** standard **B. decision C.** quality **D.** variety

**Question 30:** The professor's \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the theory was very insightful.  
**A.** community **B.** praise **C. explanation D.** invention

**Question 31:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the service we received was excellent.  
**A.** clarity **B. quality C.** education **D.** development

**Question 32:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ student is studying in our country for a year.  
**A.** immigrant **B. exchange C.** bilingual **D.** foreign

**Question 33:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, many people choose to study abroad to gain international experience.  
**A.** Therefore **B.** However **C.** Instead **D. Finally**

**Question 34:** The company decided to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a new branch in the city center.  
**A.** travel **B. establish C.** recommend **D.** invent

**Question 35:** To \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the vocabulary you learn, make sure to use it in sentences.  
**A.** provide **B.** study **C. improve D.** translate

**Question 36:** A \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ can provide important support for students with learning difficulties.  
**A.** professor **B. charity C.** travel agency **D.** notebook

**Question 37:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ from the local community helped make the event successful.  
**A.** praise **B.** decision **C. involvement D.** quality

**Question 38:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ goal of the charity is to help underprivileged children.  
**A.** foreign **B.** community **C. global D.** official

**Question 39:** To \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the quality of your writing, read more books and practice often.  
**A. increase B.** complicate **C.** travel **D.** praise

**Question 40:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ language skills are crucial for effective international communication.  
**A. Fluent B.** Complicated **C.** Standard **D.** Common

**Question 41:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ student was excited to explore new cultures and learn new languages.  
**A. exchange B.** immigrant **C.** bilingual **D.** local

**Question 42:** To \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ a new concept, you might need to study additional materials.  
**A. understand B.** provide **C.** translate **D.** travel

**Question 43:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the book’s content was enhanced by clear explanations and examples.  
**A.** variety **B. clarity C.** decision **D.** notebook

**Question 44:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ was effective in improving the company’s performance.  
**A. operation B.** notebook **C.** dictionary **D.** uniform

**Question 45:** The travel agency will \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ your trip itinerary and confirm all bookings.  
**A. provide B.** establish **C.** increase **D.** involve

**Question 46:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the exam will affect how well students can demonstrate their knowledge.  
**A. standard B.** quality **C.** clarity **D.** variety

**Question 47:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, you need to pass the entrance exam to be admitted to the university.  
**A.** Generally **B.** Additionally **C.** However **D. Finally**

**Question 48:** She decided to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the new software for her research project.  
**A.** provide **B. use C.** travel **D.** study

**Question 49:** The \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the charity event was to raise funds for local schools.  
**A.** community **B. purpose C.** education **D.** invention

**Question 50:** The professor encouraged students to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ their knowledge through additional research.  
**A. improve B.** refer **C.** travel **D.** studyTop of Form

Bottom of Form

**IV. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.** **(Grammar)**

**Question 1:** The scientist \_\_\_\_\_\_\_ research has been groundbreaking won the prestigious awar**d.**

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 2:** The movie \_\_\_\_\_\_\_ we saw last night was an emotional rollercoaster.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 3:** The musician \_\_\_\_\_\_\_ composed the soundtrack for the film is acclaimed worldwide.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 4:** The technology \_\_\_\_\_\_\_ is used in modern smartphones evolves rapidly.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 5:** The novel \_\_\_\_\_\_\_ you lent me was written by a Nobel Prize winner.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 6:** The university \_\_\_\_\_\_\_ she attended has produced many influential leaders.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 7:** The city \_\_\_\_\_\_\_ hosts the international film festival is known for its vibrant culture.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 8:** The company \_\_\_\_\_\_\_ is investing in green technology has been recognized for its efforts.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 9:** The research \_\_\_\_\_\_\_ aims to cure diseases has made significant progress.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 10:** The art gallery \_\_\_\_\_\_\_ displays modern art is located downtown.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 11:** The book \_\_\_\_\_\_\_ has been on the bestseller list for months is finally being adapted into a movie.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 12:** The architect \_\_\_\_\_\_\_ designed the new museum is renowned for his innovative approach.

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: ***Giaoandethitienganh.info***  Mong bạn ghé ủng hộ !

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 13:** The athlete \_\_\_\_\_\_\_ won the gold medal is from a small town.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 14:** The policy \_\_\_\_\_\_\_ was introduced last year has led to significant improvements.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 15:** The museum \_\_\_\_\_\_\_ houses ancient artifacts is visited by many tourists.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 16:** The documentary \_\_\_\_\_\_\_ you watched gave a detailed account of the historical event.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 17:** The seminar \_\_\_\_\_\_\_ was held last week addressed the issue of climate change.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 18:** The chef \_\_\_\_\_\_\_ prepared the gourmet meal received rave reviews from critics.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 19:** The conference \_\_\_\_\_\_\_ focuses on renewable energy is attended by experts from around the worl**d.**

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 20:** The device \_\_\_\_\_\_\_ you are referring to is known for its advanced features.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 21:** The charity \_\_\_\_\_\_\_ helps disadvantaged children has received substantial donations.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 22:** The artist \_\_\_\_\_\_\_ painted the mural is famous for her unique style.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 23:** The course \_\_\_\_\_\_\_ I am taking covers advanced topics in computer science.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 24:** The festival \_\_\_\_\_\_\_ celebrates cultural diversity attracts many visitors.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 25:** The student \_\_\_\_\_\_\_ has the highest score will receive a scholarship.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 26:** The city \_\_\_\_\_\_\_ was featured in the travel magazine is known for its historical landmarks.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 27:** The experiment \_\_\_\_\_\_\_ provided new insights into space exploration was conducted by a team of scientists.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 28:** The research paper \_\_\_\_\_\_\_ you need to read is in the library.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 29:** The company \_\_\_\_\_\_\_ produced the innovative software is known for its cutting-edge technology.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 30:** The artist \_\_\_\_\_\_\_ work is displayed in the gallery has a distinct style.

**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** where

**Question 31:** The teacher \_\_\_\_\_\_\_ gave the lecture is very experience**d.**  
**A.** who **B.** which **C.** whose **D.** that

**Question 32:** The book \_\_\_\_\_\_\_ she borrowed from the library is overdue.  
**A.** that **B.** who **C.** whose **D.** where

**Question 33:** The company \_\_\_\_\_\_\_ I worked for has been sol**d.**  
**A.** where **B.** who **C.** whose **D.** that

**Question 34:** The person \_\_\_\_\_\_\_ car was stolen has reported it to the police.  
**A.** who **B.** where **C.** that **D.** whose

**Question 35:** The city \_\_\_\_\_\_\_ I spent my vacation has many historical landmarks.  
**A.** whose **B.** where **C.** that **D.** who

**Question 36:** The artist \_\_\_\_\_\_\_ painting was displayed in the gallery is very talente**d.**  
**A.** that **B.** whose **C.** where **D.** who

**Question 37:** The restaurant \_\_\_\_\_\_\_ we had dinner last night is closing down.  
**A.** where **B.** who **C.** whose **D.** that

**Question 38:** The student \_\_\_\_\_\_\_ project won the first prize is very dedicate**d.**  
**A.** whose **B.** where **C.** who **D.** that

**Question 39:** The house \_\_\_\_\_\_\_ we used to live in was torn down.  
**A.** where **B.** whose **C.** who **D.** that

**Question 40:** The company \_\_\_\_\_\_\_ provides the best service is located downtown.  
**A.** that **B.** whose **C.** where **D.** who

**V.** **Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.**

|  |
| --- |
| **a.** First, English is widely spoken in many countries around the worl**d.** **b.** Besides, English is often taught as a second language in schools. **c.** Finally, understanding World Englishes can help us communicate better globally. **d.** Also, it is used in international business and travel. |

**A.** a-b-d-c **B.** a-d-b-c **C.** a-d-c-b **D.** a-b-c-d

|  |
| --- |
| **a.** First, it is essential to understand how English is used in different regions. **b.** Also, English serves as a common language for many international organizations. **c.** Besides being a global language, English is also used in many cultural contexts. **d.** Finally, recognizing these differences can help us interact more effectively. e. Furthermore, English is taught as a second language in many countries. |

**A.** a-b-c-e-d **B.** a-c-b-e-d **C.** a-b-c-e-d **D.** a-c-b-d-e

|  |
| --- |
| **a.** Furthermore, English is taught in schools all over the worl**d.** **b.** Besides being used everywhere, English is part of many local traditions. **c.** Also, English is used as a main language in many big companies. **d.** Finally, knowing these differences helps us communicate better. e. First, it's important to know how English is spoken in different places. |

**A.** e-c-b-a-d **B.** e-c-a-b-d **C.** e-b-c-a-d **D.** e-c-b-d-a

|  |
| --- |
| **a.** For example, English in India sounds different from English in Americ**a.**  **b.** Next, these different ways are called "World Englishes."  **c.** Therefore, learning about these differences helps us understand and respect each other better.  **d.** First, English is spoken all over the world in different ways.  e. Moreover, each country adds its own touch to English. |

**A.** d-b-e-a-c **B.** d-e-b-a-c **C.** d-b-a-e-c **D.** d-e-a-b-c

|  |
| --- |
| **a.** Firstly, English is widely used in Vietnam for international business and tourism.  **b.** In addition, many schools in Vietnam teach English as a second language from an early age.  **c.** For instance, English is often used in popular tourist destinations, such as Hanoi and Ho Chi Minh City.  **d.** Moreover, English proficiency helps Vietnamese people connect with the global community and access international resources.  e. Therefore, learning English can provide valuable opportunities for students and professionals in Vietnam. |

**A.** a-c-b-d-e **B.** a-b-c-d-e **C.** a-b-e-c-d **D.** a-c-b-e-d

|  |
| --- |
| **Dear Huy,**  **a.** Besides learning new vocabulary, we practiced speaking and listening with native speakers.  **b.** Next, I wanted to tell you about my recent English course.  **c.** First, I hope you are doing well.  **d.** Finally, I feel much more confident in my English skills and enjoyed the course a lot.  e. I look forward to hearing about your English learning experiences too.  Best, **Nhi** |

**A.** c-a-b-d-e **B.** c-a-b-e-d **C.** c-b-a-e-d **D.** c-b-a-d-e

|  |
| --- |
| **Dear Nick,**  **a.** Finally, these new ideas are really helping people improve their English skills.  **b.** Moreover, schools are setting up English clubs and language exchange events for students to practice.  **c.** Besides normal classes, many villages now use mobile apps and online tools to help people learn English.  **d.** Next, I want to tell you about learning English in rural areas of Vietnam.  e. First, I hope you are doing well.  Best, **Mai** |

**A.** e-d-c-a-b **B.** e-d-c-b-a **C.** e-d-b-c-a **D.** e-d-b-a-c

|  |
| --- |
| **a.** **Dear Phan Thang,**  **b.** Looking forward to hearing from you.  **c.** I wanted to share some thoughts on how English is spreading worldwide.  **d.** Besides, while English helps people communicate across cultures, it can also overshadow local languages, which is both positive and negative.  e. First, English is widely spoken in many countries. It’s a global language used in business, travel, and online. People often learn it in school, and it's common in media like movies and musi**c.**  f. What are your thoughts on this?  g. I hope you’re doing well.  h. Best,  **Dương** |

**A.** g-b-d-c-f-e-h-a **B.** g-d-b-c-f-e-h-a **C.** g-d-c-b-f-e-h-a **D.** g-d-b-f-e-c-h-a

|  |
| --- |
| **a.** **Dear Phan Thang,**  **b.** Looking forward to hearing from you.  **c.** I wanted to share some thoughts on how English is spreading worldwide.  **d.** Besides, while English helps people communicate across cultures, it can also overshadow local languages, which is both positive and negative.  e. First, English is widely spoken in many countries. It’s a global language used in business, travel, and online. People often learn it in school, and it's common in media like movies and musi**c.**  f. What are your thoughts on this?  g. I hope you’re doing well.  h. Best,  **Dương** |

**A.** a-e-c-d-b-f-g-h **B.** a-d-c-e-g-b-f-h **C.** a-g-c-e-d-f-b-h **D.** a-c-g-e-d-f-b-h

|  |
| --- |
| Dear Professor Smith,  **a.** As a result, these new ideas have really helped the students improve their English and become more excited about learning.  **b.** I am excited to hear your thoughts and any advice you might have.  **c.** In addition to using usual methods, I have included local resources and cultural topics to make lessons more interesting for the students.  **d.** First of all, I hope you are doing well.  e. Furthermore, we have started using mobile apps and online tools to help students practice English outside of class.  h. Then, I want to tell you about my work teaching English in Angol**a.**  Best regards,  Tran Thien Huy |

**A.** d-h-c-e-a-b **B.** d-c-h-e-a-b **C.** d-h-e-c-a-b **D.** d-h-c-e-b-a

**VI.** **Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.**

**1.**

Some people find it really difficult to learn English, and here are some of the reasons. Firstly, English has one of the biggest vocabularies (1) \_\_\_\_\_ all languages. Therefore, it is very hard for English learners to remember all the words and phrases as well as use them (2) \_\_\_\_\_ in different contexts. Secondly, English grammar is complex. For example, there are twelve basic tenses in English. This (3) \_\_\_\_\_ learners confused when they have to use the tenses correctly in different sentences. (4) \_\_\_\_\_ grammatical points, such as prepositions, reported speech, and the passive voice are not any less challenging. Thirdly, a lot of learners find English pronunciation very (5) \_\_\_\_\_. Words which have the same combination of letters may be (6) \_\_\_\_\_ differently. For instance, the ‘ou’ in ‘rough’ is not pronounced the same as that in ‘through’. Another problem is sentence stress. Stress (7) \_\_\_\_\_ we put on different words may lead to the difference in meaning. In general, English vocabulary, grammar, and pronunciation may (8) \_\_\_\_\_\_ learning it not an easy task.

[SBT Tiếng Anh 9 Global Success]

1. **A.** of **B.** in **C.** on **D.** for

2. **A.** correct **B.** corrective **C.** incorrectly **D.** correctly

3. **A.** gets **B.** gives **C.** makes **D.** allows

4. **A.** Another **B.** Other **C.** Others **D.** The other

5. **A.** confuse **B.** confused **C.** confusing **D.** confusion

6. **A.** written **B.** pronounced **C.** said **D.** read

7. **A.** who **B.** whose **C.** the **D.** Ø

8. **A.** make **B.** get **C.** let **D.** bring

**2.**

If you want to (1) \_\_\_\_\_\_\_\_ English more quickly, lots of reading is important. When you read in English, you can improve your vocabulary, grammar, and writing at the same time. When you read, try to figure out the (2) \_\_\_\_\_\_\_\_ of a new word from the words around it. Even if you are not always (3) \_\_\_\_\_\_\_\_, it is good to practise thinking about what a new word might mean. You may need to learn the meaning of a word or phrase. The more words you understand, the better you will (4) \_\_\_\_\_\_\_\_ able to rea**d.** A dictionary - hard copy or online version - can help you find the meanings of words (5) \_\_\_\_\_\_\_\_ are new to you. You should keep a (6) \_\_\_\_\_\_\_\_ of new words, their definitions, and a sentence for each word which shows how to (7) \_\_\_\_\_\_\_\_ use it. You can keep this vocabulary list in a notebook you always have with you. This helps you to revise what you have learnt wherever you are.

[SGK Tiếng Anh 9 Global Success]

1. **A.** good **B.** learn **C.** write **D.** listen

2. **A.** spelling **B.** meaning **C.** pronunciation **D.** position

3. **A.** correctly **B.** correction **C.** correctness **D.** correct

4. **A.** be **B.** get **C.** become **D.** have

5. **A.** which **B.** what **C.** who **D.** that

6. **A.** notebook **B.** list **C.** diary **D.** journal

7. **A.** well **B.** clearly **C.** properly **D.** easily

**3.**

To learn English effectively, it is (1) \_\_\_\_\_\_\_ to use a variety of methods. First, you should learn new (2) \_\_\_\_\_\_ every day using apps or flashcards. This will help you remember and use (3) \_\_\_\_\_\_ vocabulary. Then, listening to English news, podcasts, or watching movies can improve your understanding of how English is used (4) \_\_\_\_\_\_ everyday situations. Reading books, newspapers, or articles in English will also boost your reading skills and expand your vocabulary. (5) \_\_\_\_\_\_\_\_, practicing speaking and writing in English is very (6) \_\_\_\_\_\_\_\_; you can join English clubs or talk with (7) \_\_\_\_\_\_\_ speakers to improve your skills. Finally, setting clear (8) \_\_\_\_\_\_ and regularly checking your progress will keep you motivated and help you see your improvements over time.

1. **A.** important **B.** importance **C.** importantly **D.** unimportant

2. **A.** phrases **B.** grammar **C.** sentences **D.** words

3. **A.** more **B.** less **C.** much **D.** simple

4. **A.** on **B.** by **C.** with **D.** in

5. **A.** Also **B.** However **C.** Finally **D.** Instead

6. **A.** fun **B.** easy **C.** important **D.** difficult

7. **A.** natively **B.** native **C.** nativism **D.** natives

8. **A.** hobbies **B.** problems **C.** goals **D.** mistakes

**4.**

**Sharing My Experience Learning English in Middle School**

Learning English in middle school can be both fun and useful. Here are (1) \_\_\_\_\_\_ tips that worked well for me. First, I learned new words every day with flashcards and apps, which helped me remember and use more words. Listening to English songs (2) \_\_\_\_\_\_\_ watching movies in English improved my listening skills and helped me understand how English is used in different situations. (3) \_\_\_\_\_\_\_ , reading many books and magazines in English was also important, as they made my reading skills better and taught me new phrases. Speaking English with friends and teachers at school was another activity that made me more (4) \_\_\_\_\_\_. Additionally, writing in English, such as keeping a diary or writing short stories, helped me practice my grammar. Setting many (5) \_\_\_\_\_\_\_ goals, such as learning ten new words a week, kept me motivate**d.** Using language learning apps, (6) \_\_\_\_\_\_\_ make studying fun, was also very helpful. Overall, these methods made learning English (7) \_\_\_\_\_\_\_ and more enjoyable.

1. **A.** much **B.** some **C.** many **D.** little

2. **A.** or **B.** but **C.** and **D.** so

3. **A.** Therefore **B.** However **C.** Because **D.** Although

4. **A.** confidence **B.** confident **C.** confidently **D.** confide

5. **A.** short **B.** large **C.** long **D.** small

6. **A.** that **B.** who **C.** which **D.** where

7. **A.** harder **B.** easier **C.** boring **D.** stressful

**5.**

**The Popularity of English in Hanoi**

English is becoming very popular in Hanoi, especially among young people. (1) \_\_\_\_\_\_ schools and universities teach English, and there are many private language centers where students can learn it. English is important for getting (2) \_\_\_\_\_\_ jobs and traveling to other countries, (3) \_\_\_\_\_\_ many people want to speak it well. You can hear English in movies, on TV, and in ads, (4) \_\_\_\_\_\_ makes learning it more fun. There are also lots of events and clubs where people practice speaking English. This helps everyone get better and feel more (5) \_\_\_\_\_\_ using the language. (6) \_\_\_\_\_\_ these reasons, more and more people in Hanoi are excited to learn English and use it in their (7) \_\_\_\_\_\_ lives.

1. **A.** Some **B.** Few **C.** No **D.** Many

2. **A.** expensive **B.** bad **C.** good **D.** rare

3. **A.** but **B.** so **C.** because **D.** although

4. **A.** who **B.** where **C.** which **D.** when

5. **A.** bored **B.** nervous **C.** confident **D.** tired

6. **A.** Because of **B.** For **C.** Despite **D.** After

7. **A.** daily **B.** busy **C.** quiet **D.** special

**VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.**

**1.**

Braj Kachru was a Professor of Linguistics who invented the term 'World Englishes' The term refers to the fact that English has become a global means of communication with a lot of **varieties**.

In 1985, Kachru proposed a model of the different uses of English around the worl**d.** There are three concentric circles in the model.

The first of these circles is the Inner Circle, which consists of the traditional English- speaking countries, such as the UK, the USA, Australia, New Zealand, and Canad**a.** In these **regions**, English is the first language, and their speakers provide the standards of English.

The next circle is the Outer Circle where English is not the first language but the second or official language. The countries in this circle include India, Singapore, the Philippines, Pakistan, Malaysia, etc The speakers of these places follow the standards which the countries in the Inner circle provide

The last circle is the Expanding Circle. People in this circle speak English as a foreign language. Some of the countries in the Expanding Circle are Brazil, Japan, Russia, and Viet Nam. Speakers of English in these places follow the rules which the people in the Inner Circle have establishe**d.**

[SGK Tiếng Anh 9 Global Success]

**Question 1:** What is the main idea of the passage?

**A.** Different ways English is used around the world

**B.** The history of English in traditional English-speaking countries

**C.** The effects of English on other languages

**D.** The importance of learning English in schools

**Question 2:** The word 'varieties' in paragraph 1 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.

**A.** kinds **B.** rules **C.** places **D.** numbers

**Question 3:** According to the passage, what does the Outer Circle include?

**A.** Countries where English is a first language

**B.** Countries where English is used as a foreign language

**C.** Countries where English is a second or official language

**D.** Countries that have recently started using English

**Question 4:** The word 'regions' in paragraph 1 refers to \_\_\_\_\_\_\_.

**A.** Different parts of the world **B.** Groups of English speakers

**C.** Types of English spoken **D.** Varieties of English

**Question 5:** Which statement is NOT true based on the passage?

**A.** The Inner Circle consists of countries where English is the first language.

**B.** The Outer Circle includes countries where English is a second or official language.

**C.** The Expanding Circle consists of countries where English is a foreign language.

**D.** All countries follow the standards set by the Expanding Circle.

**2.**

**How to Learn English Well**

Learning English can be hard, but you can make it easier with some simple steps. First, you need to have clear goals. Think about why you want to learn English. It could be to speak better, write better, or pass a test. Having a **goal** will help you stay focuse**d.**

Listening to English often is very useful. You can listen to English radio, watch movies, or view videos online. This helps you get used to how people speak English.

Speaking English is also important. You can find a friend to practice with, join a group, or take online classes. Do not worry about making mistakes. Mistakes help you learn.

Reading and writing in English is helpful too. Read books, newspapers, and simple articles in English. Write a diary or chat online in English. This helps you learn new words and practice your writing.

There are also apps and websites that can help you learn English. Apps like Duolingo and Memrise are good for learning new words. Websites like Grammarly help you check your writing.

Try to study a little every day. Even 10-15 minutes a day is goo**d.** This regular practice helps you get better over time.

Finally, use English in real life. Speak English when you are shopping, write emails, or talk to friends. Using English every day helps you become more **fluent**.

Remember, learning English takes time and patience. With these tips and regular practice, you will improve quickly.

**Question 1:** What is the passage mainly about?  
**A.** Methods to improve your English vocabulary **B.** The benefits of learning multiple languages  
**C.** Ways to make English learning more enjoyable **D.** The importance of practicing English daily

**Question 2:** The word ‘goal’ in the passage is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** aim **B.** habit **C.** challenge **D.** idea

**Question 3:** According to the passage, what is an effective way to practice speaking English?  
**A.** Watching English movies without subtitles **B.** Reading English newspapers  
**C.** Finding a friend to practice with **D.** Listening to English music

**Question 4:** The word ‘fluent’ in the passage refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** Speaking a language easily and smoothly **B.** Learning a lot of new words  
**C.** Writing long essays in English **D.** Knowing many grammar rules

**Question 5:** Which of the following is NOT true, according to the passage?  
**A.** Listening to English can help you get used to how native speakers talk.  
**B.** Writing daily can improve your writing skills in English.  
**C.** Using English in real life is not necessary for learning the language.  
**D.** Regular study helps you make progress in learning English.

**3.**

When people speak different languages, it can be hard to talk to each other. They might not understand each other’s words. This can make them feel confused or **upset**. For example, if one person says something, but the other person does not understand, they might have a problem.

These problems can happen in many places. At the doctor’s office, if a person cannot explain how they feel, the doctor might not know what is wrong. At work, if people do not understand each other, they might not do their job correctly.

But, there are ways to help. Learning a few simple words in another language can make a big difference. Using apps to translate or asking someone to help can also make **it** easier to talk. Being patient and using easy words can help everyone understand better and have fewer problems.

**Question 1:** Which of the following can be the best title for the passage?  
**A.** Problems with Language Barriers **B.** Why Doctors Need Translation Apps  
**C.** How to Become Fluent in a New Language **D.** The Importance of Body Language

**Question 2:** According to the passage, language barriers can cause problems \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** only in the workplace **B.** in many different places **C.** mainly in schools **D.** mostly at home

**Question 3:** The word *upset* in paragraph 1 most likely means \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** happy **B.** angry **C.** confused **D.** surprised

**Question 4:** The word *it* in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** learning new words **B.** speaking another language

**C.** asking someone for help **D.** using translation apps

**Question 5:** Which of the following is NOT true according to the passage?  
**A.** People might have trouble understanding each other when they speak different languages.  
**B.** Using simple words can help people understand each other better.  
**C.** Translation apps cannot help in communication.  
**D.** Language barriers can make it hard to talk to a doctor.

**4.**

**Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the answer to each of the questions.**

Language exchange is a great way to improve your language skills. You can meet people who speak the language you want to learn and who want to learn your language. This way, both of you can practice speaking and listening.

There are different ways to do language exchange. You can meet in person or talk online. Some people like to meet once a week, while others might talk every day. You can also use apps or websites to find language exchange **partners**. **They** can help you practice new words and phrases.

When you do language exchange, you should be patient and helpful. If one person is having trouble, try to explain things in a simple way. Both of you should feel comfortable and have fun learning. Over time, you will get better at speaking and understanding the language.

**Question 1:** Which of the following can be the best title for the passage?  
**A.** How to Use Language Apps **B.** Benefits of Language Exchange  
**C.** Problems with Learning Languages **D.** Different Language Learning Methods

**Question 2:** According to the passage, language exchange \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** can only be done online **B.** may help you improve your language skills  
**C.** needs special language classes **D.** is not suitable for beginners

**Question 3:** The word "partners" in paragraph 1 mostly means \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** a friend who helps you **B.** a type of language **C.** a new book **D.** a teacher

**Question 4:** The word "They" in paragraph 2 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** person **B.** books **C.** machine **D.** tools

**Question 5:** Which of the following is NOT true according to the passage?  
**A.** Language exchange can be done in person or online.  
**B.** It is important to be patient and helpful during language exchange.  
**C.** Language exchange tools can help you practice new words.  
**D.** You should only practice speaking and ignore listening skills.

**5.**

Using English well can help you in many ways. It can **improve** your chances for a good job and help you talk with people from different places. But, just knowing some words and grammar is not enough. You need to use **it** in the right way.

To use English well, you should understand when to use simple words or more formal words. In a work setting, it is important to be clear and direct. This means saying what you need to say without using too many difficult words. In casual conversations, you can be more relaxed, but it is still good to be clear.

Practicing English every day is important. You can read, write, and speak in English often. **Joining groups** or finding friends to practice with can help you get better. Listening to English speakers and practicing how you speak can also improve your skills.

In the end, the key is to use English comfortably and correctly in different situations. With regular practice, you can become good at speaking and understanding English.

**Question 1:** Which of the following is the best title for the passage?  
**A.** How to Use English Well **B.** The Best English Words to Learn  
**C.** Why Grammar Is Important **D.** Different Ways to Learn English

**Question 2:** The word "improve" in paragraph 1 most likely means \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** make better **B.** make worse **C.** ignore **D.** learn less

**Question 3:** According to paragraph 2, using English in a work setting means \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** using only difficult words **B.** being clear and direct  
**C.** being relaxed **D.** avoiding speaking

**Question 4:** The phrase “joining groups” in paragraph 3 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** becoming part of a group **B.** stopping a group  
**C.** finding new words **D.** practicing alone

**Question 5:** The word “it” in paragraph 1 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
**A.** English **B.** book **C.** grammar **D.** tool

**Question 6:** Why is practicing English every day important?  
**A.** To learn new words **B.** To meet new people  
**C.** To improve your skills **D.** To understand grammar better

**Question 7:** What can be inferred from the passage?  
**A.** Knowing many words is enough for good English.  
**B.** It is not important to understand when to use different words.  
**C.** Speaking English only in formal settings is best.  
**D.** Regular practice helps improve English skills.

**VIII.** **Read the announcement/management paragraph and then choose the correct answer from options A, B, C, D.**

|  |
| --- |
| **📚✨ Join Our Exciting English Class for Middle School in Ho Chi Minh City! ✨📚**  🔹 **Boost Your English Skills**: Improve your speaking, listening, reading, and writing! 🔹 **Interactive Lessons**: Fun (1) \_\_\_\_\_\_\_ and engaging lessons (2) \_\_\_\_\_\_\_ make learning enjoyable. 🔹 **Experienced Teachers**: Friendly and qualified instructors to guide you. 🔹 **Flexible Schedule**: Convenient class times to fit your busy life. 🔹 **Group and One-on-One**: Choose the format that suits you best.  📅 **Start Date**: October 1, 2024 📍 **Location**: (3) \_\_\_\_\_\_\_ English Center, 123 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City ⏰ **Class Times**:   * **Weekdays**: 4:00 PM - 6:00 PM * **Weekends**: 9:00 AM - 12:00 PM   💬 **Contact Us**: Email us at info@englishcenter.vn or call 0963490882  🎉 **Sign Up Now and Unlock Your English Potential!** 🎉 |

**Question 1:** **A.** activities **B.** actively **C.** active **D.** activity

**Question 2:** **A.**with **B.** at **C.** to **D.** for

**Question 3:** **A.** The **B.** A **C.** An **D.** No article

|  |
| --- |
| **Announcement: English Medium Instruction**  Dear Students and Parents,  We are pleased to announce that starting Monday, August 28th, all subjects will be taught (1) \_\_\_\_\_\_ English. This includes Mathematics, Science, History, and more.  We believe this change will enhance language skills and (2) \_\_\_\_\_\_ students for (3) \_\_\_\_\_\_ globalized world**.**  For any questions or concerns, please contact the school office.  Best regards, |

**A.** by **B.** with **C.** in **D.** for

**A.** prepare **B.** confuse **C.** delay **D.** forget

**A.** an **B.** a **C.** the **D.**

|  |
| --- |
| **English Center Opening**  We are excited to open our new English Language Center! 🎉  We offer courses for all levels, from beginners to (1) \_\_\_\_\_\_\_. Our friendly teachers will help you with speaking, listening, reading, and writing.  Join us now to enjoy special discounts and free trial classes. For more details, visit our (2) \_\_\_\_\_\_\_ website or call us at 0963490882. We can’t wait to see you!  Let’s start learning together (3) \_\_\_\_\_\_ our new center! |

**Question 1:** **A.** advance **B.** advanced **C.** advancing **D.** advancement

**Question 2:** **A.** a **B.** an **C.** the **D.** no article

**Question 3:** **A.** at **B.** in **C.** on **D.** by

|  |
| --- |
| **Announcement: Why Learning English Matters**  Dear Students and Parents,  Here’s why learning English is important:  🌍 **Global Communication**: Connect (1) \_\_\_\_\_\_\_ people from around the worl**d.**  🎓 **Educational Opportunities**: Access to top (2) \_\_\_\_\_\_\_ and useful resources.  💼 **Career Advancement**: Improve your job prospects and grow in your career.  🌐 **Access to Information**: Stay informed with content available online.  🎬 **Cultural Enrichment**: Enjoy movies, books, and music in English.  Join us at our English Language Center to get started! For more details, visit our website or call us at 0963490882.  Best, Thien Huy Director of (3) \_\_\_\_\_\_\_ English Language Center |

**Question 1:** **A.** to **B.** with **C.** for **D.** about

**Question 2:** **A.** university **B.** university’s **C.** universities **D.** universality

**Question 3:** **A.** the **B.** a **C.** an **D.** no article

|  |
| --- |
| **Advertisement: Study at Bright Future University!**  Looking for a great education in English? Join us (1) \_\_\_\_\_\_\_ Bright Future University!  **Why Choose Us?**  🎓 **Expert Teachers**: Learn from skilled teachers.  🌍 **Career Opportunities**: Get job help and meet people from around the worl**d.**  📚 **Diverse Courses**: Study many subjects in English.  🌟 **Modern Facilities**: Use our new classrooms and libraries.  🔗 **Career Support**: Get help with finding jobs and planning your career.  (2) \_\_\_\_\_\_\_ now! For more details, visit [www.brightfuture.edu](http://www.brightfuture.edu) or call 0963490882.  Start your English education at (3) \_\_\_\_\_\_\_ Bright Future University! |

**Question 1:** at **B.** in **C.** on **D.** for

**Question 2:** **A.** Call **B.** Apply **C.** Join **D.** Visit

**Question 3:** **A.** the **B.** a **C.** an **D.** no article

|  |
| --- |
| **The Importance of Learning English**  Learning English is very important (1) \_\_\_\_\_\_\_ today’s worl**d.** It helps you talk with people from many different countries and makes traveling and working abroad easier. Additionally, (2) \_\_\_\_\_\_English opens doors to many good schools and educational resources, allowing you to access a wide range of information and opportunities. Being able to speak English can also (3) \_\_\_\_\_\_\_ your chances of getting a better job and advancing in your career. |

**Question 1:** **A.** on **B.** in **C.** at **D.** by

**Question 2:** **A.** the **B.** a **C.** an **D.** no article

**Question 3:** **A.** improve **B.** improved **C.** improving **D.** improves

**School Notice: Effective English Learning Strategies**

Join us on April 15th to explore effective methods for learning English!

• Share your ideas for (1) \_\_\_\_\_\_ activities to improve English language skills.

• Help educate students about the (2) \_\_\_\_\_\_ of using effective study techniques.

• Let's work together to achieve better results (3) \_\_\_\_\_\_ English learning.

Submit your suggestions to the Language Club office by April 8.

**Question 1:** **A.** creative **B.** creative **C.** create **D.** creating

**Question 2:** **A.** importance **B.** important **C.** import **D.** importantly

**Question 3:** **A.** with **B.** in **C.** on **D.** at

**School Notice: Improving English Teaching and Learning**

Join us on May 10th to talk about better ways to teach and learn English!

• Share your ideas about (1) \_\_\_\_\_\_\_ activities to make English classes more fun.

• Help find ways to support (2) \_\_\_\_\_\_\_ in learning English better.

• Let’s work together to make a big difference (3) \_\_\_\_\_\_\_ our English lessons.

Submit your ideas to the Teaching Office by April 30.

**Question 1:** **A.** fun **B.** funs **C.** funnies **D.** funning

**Question 2:** **A.** students **B.** student **C.** the students **D.** student’s

**Question 3:** **A.** with **B.** in **C.** on **D.** at

**English in Everyday Life Exhibition**

See how English helps us every day!

• Explore interesting things about how English is used in different (10) \_\_\_\_\_\_\_.  
• Be amazed by real-life examples of English uses (11) \_\_\_\_\_\_\_ many places.  
• Learn how English can make your daily (12) \_\_\_\_\_\_\_ better.

Date: April 12.  
Location: Community Learning Centre.

Come and find out how English can help you!

**Question 1:** **A.** places **B.** place **C.** placing **D.** placed

**Question 2:** **A.** with **B.** at **C.** on **D.** in

**Question 3:** **A.** life **B.** lives **C.** lifestyle **D.** living

**Join Our English Awareness Campaign!**

Don’t let the lack of English skills limit your opportunities! Join us to understand the challenges of not knowing English.

• Discover how not knowing English can (11) \_\_\_\_\_ your career opportunities.

• Assist in understanding global information and resources.

• Learn how English skills can impact your (12) \_\_\_\_\_ in daily life.

Be part of opportunities solution! Sign (3) \_\_\_\_\_ now to improve your English and open up new opportunities.

Together, we can bridge the language gap and create better futures!

**Question 1:** **A.** limiting **B.** limits **C.** limit **D.** limited

**Question 2:** **A.** in **B.** at **C.** on **D.** up

**Question 3:** **A.** the **B.** a **C.** no article **D.** an

**IX. Complete the sentences with relative pronouns.**

**Exercise 1:** The woman \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ lives next door is very friendly.

**Exercise 2:** The car \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I bought last week is very fast.

**Exercise 3:** The teacher \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ class I attended yesterday gave us a lot of homework.

**Exercise 4:** The dog \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ barks loudly belongs to my neighbor.

**Exercise 5:** The man \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you saw at the party is my uncle.

**Exercise 6:** The movie \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ we watched last night was very funny.

**Exercise 7:** The artist \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ paintings are on display is very famous.

**Exercise 8:** The bike \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is parked outside belongs to John.

**Exercise 9:** The student \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ won the competition was very happy.

**Exercise 10:** The book \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cover is torn needs to be replace**d.**

**Exercise 11:** The person \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ helped me yesterday is a famous doctor.

**Exercise 12:** This is the house \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I have lived in since I was a chil**d.**

**Exercise 13:** The motorbike \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you just bought looks really nice.

**Exercise 14:** I don't know the name of the person \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you introduce**d.**

**Exercise 15:** This is the gift \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ my mother gave me on my birthday.

**Exercise 16:** The book \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you read yesterday is very interesting.

**Exercise 17:** The man \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I saw at the store seemed familiar.

**Exercise 18:** The restaurant \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ we had dinner at was excellent.

**Exercise 19:** The movie \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ we watched last night was amazing.

**Exercise 20:** The teacher \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ taught us last year is retiring soon.

Đáp án:

1. The woman **who** lives next door is very friendly.
2. The car **which** I bought last week is very fast.
3. The teacher **whose** class I attended yesterday gave us a lot of homework.
4. The dog **which** barks loudly belongs to my neighbor.
5. The man **who** you saw at the party is my uncle.
6. The movie **which** we watched last night was very funny.
7. The artist **whose** paintings are on display is very famous.
8. The bike **which** is parked outside belongs to John.
9. The student **who** won the competition was very happy.
10. The book **whose** cover is torn needs to be replace**d.**
11. The person **who** helped me yesterday is a famous doctor.
12. This is the house **which** I have lived in since I was a chil**d.**
13. The motorbike **which** you just bought looks really nice.
14. I don't know the name of the person **who** you introduce**d.**
15. This is the gift **which** my mother gave me on my birthday.
16. The book **which** you read yesterday is very interesting.
17. The man **who** I saw at the store seemed familiar.
18. The restaurant **which** we had dinner at was excellent.
19. The movie **which** we watched last night was amazing.
20. The teacher **who** taught us last year is retiring soon.Top of Form

**X. Complete the sentences with relative pronouns.**

1. who / person / the / yesterday / helped / is / a / famous / doctor.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. which / I / car / the / last / bought / week / is / fast.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. who / the / saw / man / at / you / party / the / is / my / uncle.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. which / the / we / movie / watched / funny / night / very / was / last.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. who / teacher / the / last / year / taught / us / is / soon / retiring.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. bike / which / is / the / parked / outside / belongs / John / to.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. who / woman / next / the / lives / door / very / is / friendly.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. which / read / book / the / you / yesterday / was / interesting.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. who / won / the / student / competition / was / the / happy / very.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. which / the dog / loudly / barks / belongs / my / to / neighbor.

Bottom of Form

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Đáp án:

1. The person who helped yesterday is a famous doctor.
2. The car which I bought last week is fast.
3. The man who you saw at the party is my uncle.
4. The movie which we watched last night was very funny.
5. The teacher who taught us last year is retiring soon.
6. The bike which is parked outside belongs to John.
7. The woman who lives next door is very friendly.
8. The book which you read yesterday was interesting.
9. The student who won the competition was very happy.
10. The dog which barks loudly belongs to my neighbor.

**XI. Listening**

**Listening Passage: The Importance of English**

**Listen and decide if the following statements are True or False.**

**Passage:**

English is a very important language in today's worl**d.** First, English helps us communicate with people from other countries. When you learn English, you can talk with friends from countries like the USA, the UK, and Australi**a.**

Second, English is the main language used in many big companies. If you want to work in an international company, you need to know English. Many jobs require you to speak and write English well.

Finally, English helps you learn from many different sources. There are many books, videos, and lessons in English. If you know English, you can discover many new and interesting things.

**True/False Statements:**

1. English helps us talk to people from other countries.
   1. True
   2. False
2. Knowing English is not useful for working in big companies.
   1. True
   2. False
3. English is not used in international companies.
   1. True
   2. False
4. Learning English can help you find new and interesting things.
   1. True
   2. False
5. There are few books and videos available in English.
   1. True
   2. False

**Fill-in-the-Blanks:**

1. English helps us communicate with people from \_\_\_\_\_\_\_\_ countries.
2. Many \_\_\_\_\_\_\_\_ require you to speak and write English well.
3. English is the main language used in many \_\_\_\_\_\_\_\_ companies.
4. There are many \_\_\_\_\_\_\_\_, videos, and lessons in English.
5. If you know English, you can discover many new and \_\_\_\_\_\_\_\_ things.

**Answers:**

**True/False Statements:**

1. True
2. False
3. False
4. True
5. False

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: ***Giaoandethitienganh.info***  Mong bạn ghé ủng hộ !

**Fill-in-the-Blanks:**

1. other
2. jobs
3. big
4. books
5. interesting